

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ QI MANG XING
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ QI MANG XING
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QI MANG XING SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400985669

3. Ngày thành lập: 06/03/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Mỹ Điền 2, Phường Nénh, Thị Xã Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0387027378

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
2.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá)	4512
3.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
4.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4530
6.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
7.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543
9.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đầu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán, Không bao gồm mặt hàng Nhà nước cấm)	4610
10.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm, Không bao gồm động vật hoang dã, động vật quý hiếm)	4620
11.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
12.	Bán buôn thực phẩm	4632

Thời gian đăng từ ngày 07/03/2024 đến ngày 06/04/2024

13.	Bán buôn đồ uống	4633
14.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
15.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm, Loại trừ kinh doanh trang thiết bị y tế) Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649
16.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (không bao gồm kinh doanh thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị)	4651
17.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Trừ thiết bị thu phát sóng)	4652
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
19.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (loại trừ kinh doanh trang thiết bị y tế)	4659
20.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ than đá, sang, chiết, nạp khí hóa lỏng)	4661
21.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ bán buôn vàng và kim loại quý khác)	4662
22.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
23.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại nhà nước cấm, Loại trừ kinh doanh trang thiết bị y tế)	4669
24.	Trồng lúa	0111
25.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
26.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
27.	Trồng cây mía	0114
28.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
29.	Trồng cây lấy sợi	0116
30.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
31.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
32.	Trồng cây hàng năm khác	0119
33.	Trồng cây ăn quả	0121
34.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
35.	Trồng cây điều	0123
36.	Trồng cây hồ tiêu	0124
37.	Trồng cây cao su	0125
38.	Trồng cây cà phê	0126

39.	Trồng cây chè	0127
40.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
41.	Trồng cây lâu năm khác	0129
42.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
43.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
44.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
45.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
46.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
47.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
48.	Chăn nuôi gia cầm	0146
49.	Chăn nuôi khác	0149
50.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
51.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
52.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
53.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
54.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
55.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
56.	Khai thác gỗ (trừ các loại gỗ nhà nước cấm)	0220
57.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
58.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
59.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
60.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; loại trừ hoạt động đấu giá	8299(Chính)
62.	Đào tạo sơ cấp	8531
63.	Đào tạo trung cấp	8532
64.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
65.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552

66.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể) Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); - Giáo dục dự bị; - Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính	8559
67.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, hôn nhân có yếu tố nước ngoài)	6619
68.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
69.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (trừ tư vấn pháp luật bất động sản) Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản	6820
70.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	7020
71.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
72.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
73.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
74.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
75.	Quảng cáo (Trừ loại nhà nước cấm)	7310
76.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm hoạt động điều tra và hoạt động nhà nước cấm)	7320

77.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động phiên dịch. Dịch vụ chuyển giao công nghệ	7490
78.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
79.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
80.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Không bao gồm mặt hàng Nhà nước cấm)	4719
81.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
82.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
83.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
84.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
85.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
86.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
87.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
88.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
89.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
90.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
91.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
92.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ hoạt động đấu giá, Không bao gồm mặt hàng Nhà nước cấm)	4774
93.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ	4781
94.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
95.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
96.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
97.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ (Không bao gồm mặt hàng Nhà nước cấm)	4785
98.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí, hoạt động của đấu giá viên) Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ	4789

99.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá, không bao gồm các website giao dịch chứng khoán trực tuyến) Chi tiết: Dịch vụ thương mại điện tử	4791
100.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá, không bao gồm các mặt hàng Nhà nước cấm)	4799
101.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
102.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
103.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
104.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
105.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
106.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
107.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
108.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
109.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
110.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
111.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (Trừ hoạt động hoa tiêu, lái dẩu)	5222
112.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
113.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
114.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)	5229
115.	Bưu chính (Không bao gồm hoạt động Nhà nước cấm)	5310
116.	Chuyển phát (Không bao gồm chuyển phát tiền, vàng)	5320
117.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820

118.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị) Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình	5911
119.	Hoạt động hậu kỳ	5912
120.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ Hoạt động phát hành phim điện ảnh, chương trình truyền hình, hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị) Chi tiết: Hoạt động phát hành phim	5913
121.	Hoạt động chiếu phim	5914
122.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc (loại trừ hoạt động xuất bản) Chi tiết: Hoạt động ghi âm	5920
123.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ Trung tâm dịch vụ việc làm)	7810
124.	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Hoạt động dịch vụ việc làm (Trừ cho thuê lại lao động)	7820
125.	Đại lý du lịch	7911
126.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lữ hành	7912
127.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
128.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh thiết bị, phần mềm ngay trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị)	4741
129.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
130.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
131.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
132.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

133.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
134.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
135.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
136.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
137.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ loại nhà nước cấm)	4764
138.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
139.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh dược phẩm) Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
140.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, súng đạn, tem và tiền kim khí, Không bao gồm mặt hàng Nhà nước cấm)	4773

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TỪ QUANG TIẾN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 10/10/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024096005831

Ngày cấp: 19/12/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Ao Quê, Xã Đồng Cốc, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Ao Quê, Xã Đồng Cốc, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TỪ QUANG TIẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 10/10/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024096005831

Ngày cấp: 19/12/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Ao Quê, Xã Đồng Cốc, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Ao Quê, Xã Đồng Cốc, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang